| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **146**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2021
*"V/v Ly hôn, nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Mai Thị Thảo.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:*** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021, về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Tiến Q**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn LT, xã ThK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm 1990

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn LT, xã ThK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng: Bà **Hoàng Thị Th1**

Địa chỉ: thôn Phương Bằng, xã HH, huyện GiL, tỉnh Hải Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Phạm Tiến Q trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Phạm Thị Th được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã ThK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng bố mẹ anh. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng hơn 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2018, anh và chị Th đều đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, vợ chồng thường bất đồng nhau về quan điểm sống, chủ yếu về kinh tế và anh nghi ngờ chị Th có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Năm 2019, anh về nước còn chị Th vẫn ở lại Đài Loan. Anh chị cũng đã thống nhất làm đơn xin ly hôn có chữ ký của cả hai vợ chồng, sau khi về nước anh đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện GiL để làm thủ tục giải quyết ly hôn nhưng do chị Th ở nước ngoài nên không giải quyết được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

- *Về con chung:* Anh và chị Th có 02 con chung là Phạm Bảo Ch, sinh ngày 30/11/2010 và Phạm Bảo M, sinh ngày 13/9/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng anh và ông bà nội. Trước đây, anh có đồng ý với chị Th là để chị Th nuôi cháu Phạm Bảo M, ông bà ngoại sẽ hỗ trợ chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi chị Th về nước. Tuy nhiên, cháu M chỉ ở cùng ông bà một thời gian, sau đó ông bà lại đưa cháu M về nhà anh. Cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng bố và ông bà nội sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống, học tập của các cháu, cũng như không để các cháu phải xa cách nhau, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Phạm Thị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung:* Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 hợp đồng bảo hiểm Bảo Việt mang tên anh Phạm Tiến Q và cháu Phạm Bảo Ch, trị giá khoảng hơn 60 triệu. Trước đây, cả hai vợ chồng cùng đóng tiền. Tuy nhiên, tháng 7/2019, anh đã thanh lý hợp đồng. Đối với khoản tiền này anh sẽ tự thỏa thuận với chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với nhà cửa, đất đai, anh xác định đều là của bố mẹ anh, vợ chồng anh không có công sức đóng góp gì cho bố mẹ để xây dựng nhà cửa.

- *Về nợ:* Anh xác định khi anh đi nước ngoài vợ chồng anh có vay tiền của ông bà ngoại. Tuy nhiên, khi chị Th đi xuất khẩu lao động, gia đình anh cũng đã lo tiền thu xếp cho chị Th đi nhưng gia đình anh cũng không yêu cầu

chị Th phải trả. Do vậy, anh đề nghị Tòa án để các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Q không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị Th, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị Th. Bà Hoàng Thị Th1 là mẹ đẻ chị Th xác định, chị Th hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Th nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị Th thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Th biết. Theo bà Th1 cung cấp thì sau khi kết hôn vợ chồng chị Th và anh Q về sống cùng bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018, chị Th và anh Q sang Đài Loan xuất khẩu lao động, sau đó đến năm 2019, anh Q về nước trước, còn chị Th vẫn ở lại Đài Loan làm ăn. Việc anh Q làm đơn xin ly hôn với chị Th, bà cũng đã thông báo cho chị Th biết. Quan điểm của chị Th: nhất trí ly hôn theo đề nghị của anh Q, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi một con, các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị Th chưa về nước, bà Th1 sẽ hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị Th xác định có tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết trong cùng vụ án nhưng do tình hình dịch bệnh rất phức tạp nên chị chưa gửi tài liệu cho Tòa án được.

Về nợ: Bà Th1 xác định vợ chồng bà có đứng ra vay hộ cho vợ chồng anh Q, chị Th 200.000.000 đồng, đến nay vợ chồng anh Q, chị Th mới trả 20.000.000 đồng, còn 180.000.000 đồng chưa trả. Nếu vợ chồng anh Q, chị Th ly hôn thì phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà 180.000.000 đồng.

Tòa án đã giải thích cho bà Th1 và chị Th nếu có yêu cầu giải quyết về tài sản và vay nợ của anh Q, chị Th thì các đương sự phải có đơn và cung cấp tài liệu liên quan đến tài sản và vay nợ nộp cho Tòa án trước ngày 19/7/2021. Hết thời gian trên nếu bà Th1 và chị Th không có đơn và tài liệu gửi Tòa án thì Tòa án chỉ giải quyết về quan hệ vợ chồng, con chung theo yêu cầu khởi kiện của anh Q. Bà Th1 nhất trí với giải thích của Tòa án và có ý kiến sẽ xem xét và làm đơn gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Q có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Phạm Tiến Q được ly hôn chị Phạm Thị Th; Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Bảo Ch, sinh ngày 30/11/2010 và Phạm Bảo M, sinh ngày 13/9/2013 cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con; Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Anh Phạm Tiến Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Phạm Thị Th. Chị Th hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị Th cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến Q và chị Phạm Thị Th được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ThK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/3/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai

bên không quan tâm đến nhau. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Thông qua gia đình, chị Th có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Q. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh Q và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Q xin ly hôn chị Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Q và chị Th có 02 con chung là Phạm Bảo Ch, sinh ngày 30/11/2010 và Phạm Bảo M, sinh ngày 13/9/2013. Hiện nay hai cháu đang cùng anh Q và ông bà nội. Khi ly hôn anh Q có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị Th có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con nhưng do chị đang đi lao động tại Đài Loan chưa về được, chị đề nghị bà ngoại chăm sóc con trong thời gian chị chưa về nước.

Xét đề nghị của anh Q, chị Th thì thấy: Hai con chung đều đang ở cùng anh Q và ông bà nội. Các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Anh Q và chị Th đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng của anh Q và chị Th đều là chính đáng và có trách nhiệm với con cái sau khi ly hôn. Tuy nhiên, xét về điều kiện chị Th đang đi làm ăn xa chưa biết lúc nào về, cháu M và cháu Ch đều đang ở ổn định cùng anh Q, các cháu đều khỏe mạnh, anh Q làm việc gần sẽ có thời gian chăm sóc các cháu tốt hơn chị Th. Mặt khác, các cháu đều đang được ông, bà nội hỗ trợ anh Q chăm sóc hàng ngày. Do vậy, cần tiếp tục giao hai con chung Phạm Bảo Ch, sinh ngày 30/11/2010 và Phạm Bảo M, sinh ngày 13/9/2013, cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Chị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung:

Anh Q xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 hợp đồng bảo hiểm Bảo Việt mang tên anh Phạm Tiến Q và cháu Phạm Bảo Ch, trị giá khoảng hơn 60 triệu. Trước đây, cả hai vợ chồng cùng đóng tiền vào bảo hiểm này. Tuy nhiên,

tháng 7/2019, anh  đã thanh lý hợp đồng này, anh đề nghị để anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Th xác định vợ chồng có tài sản chung, bà Th1 xác định vợ chồng anh Q, chị Th còn nợ vợ chồng bà 180.000.000 đồng và có quan điểm muốn đề nghị Tòa án giải quyết trong cùng vụ án. Tòa án đã hướng dẫn bà Th1, chị Th làm đơn và tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản chung và số tiền nợ trên, gửi cho Tòa án để được xem xét nhưng bà Th1 và chị Th không có đơn và không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Bà Th1, chị Th có quyền làm đơn khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để xem xét về tài sản chung và khoản nợ trên khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Anh Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì những lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Phạm Tiến Q được ly hôn chị Phạm Thị Th.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Phạm Tiến Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Bảo Ch, sinh ngày 30/11/2010 và Phạm Bảo M, sinh ngày 13/9/2013, thời gian từ tháng 9/2021 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Phạm Tiến Q không yêu cầu chị Phạm Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

*Chị Phạm Thị Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.*

[3]  Về án phí: Anh Phạm Tiến Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp là

300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005850 ngày 19/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Anh Q đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Tiến Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm; Chị Phạm Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã ThK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**